

CÔNG TY TNHH KINH DOANH TỔNG HỢP TÂN XUÂN VINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KINH DOANH TỔNG HỢP TÂN XUÂN VINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN XUAN VINH GENERAL BUSINESS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 4101632154

3. Ngày thành lập: 16/08/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn An Ngoại, Xã Vĩnh Thịnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 086 2501340

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
3.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn được phẩm)	4649
4.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
5.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
6.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
7.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
8.	Khai thác và thu gom than non	0520
9.	Khai thác dầu thô	0610
10.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức hợp báo)	8230
12.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
13.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
14.	Quảng cáo (Trừ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo)	7310
15.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
16.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
17.	Cho thuê xe có động cơ	7710
18.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690

19.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
20.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
21.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
22.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810(Chính)
23.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
24.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
25.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
26.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
27.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
28.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
29.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
30.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
31.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
32.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
33.	Sản xuất giày, dép	1520
34.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
35.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đầu giá)	4774
36.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
37.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
38.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
39.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
40.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
41.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229
45.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lưu trú	5510

46.	Cơ sở lưu trú khác	5590
47.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);	5610
48.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
49.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
50.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar)	5630
51.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
52.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
53.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
54.	Đại lý du lịch	7911
55.	Điều hành tua du lịch	7912
56.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
57.	Xây dựng nhà để ở	4101
58.	Xây dựng nhà không để ở	4102
59.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
60.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
61.	Xây dựng công trình điện	4221
62.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
63.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
64.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
65.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
66.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
67.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
68.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
69.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
70.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
71.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 5.200.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGÔ TRẦN ANH RY

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/11/1992 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 049092006041

Ngày cấp: 27/12/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Ngọc An, Xã Tam Tiến, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Ngọc An, Xã Tam Tiến, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÔ TRẦN ANH RY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/11/1992 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 049092006041

Ngày cấp: 27/12/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Ngọc An, Xã Tam Tiến, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Ngọc An, Xã Tam Tiến, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định